

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143/2024/DS - ST**

Ngày 27- 8- 2024

V/v tranh chấp “*Đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em;

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/QĐST –DS ngày 06/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số 15G ấp ATB, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn N ủy quyền cho ông Lê Hữu T, sinh năm 1984. Địa chỉ: số 518B ấp 2, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lâm Thu H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số 104B/1 khu phố 1, phường 8, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn N và bà Lâm Thu H là bạn bè quen biết nhau nên ngày 11/7/2020 ông N có cho bà Lâm Thu H mượn 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trong lượng 22.5 chỉ; mục đích bà H mượn vàng của ông N để đi cảm lấy tiền tiêu xài. Bà

H nhận vàng từ ông N thì bà H đi đến tiệm vàng Phú Hào 2, địa chỉ phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre cầm với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1.250.000 đồng/tháng. Sau khi bà H cầm số vàng nêu trên bà H để hóa đơn cầm vàng lại trên xe của ông N. Đến thời hạn chuộc lại vàng để trả cho ông N nhưng bà H không thực hiện, do ông N sợ tài sản của ông bị thanh lý nên tháng 01/2021 ông N phải trả số tiền 56.725.000 đồng gồm tiền cầm vàng và tiền lãi cho tiệm vàng để nhận lại tài sản.

Ông N đã nhiều lần yêu cầu bà H giao trả số tiền nêu trên nhưng bà H cố ý trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Do đó năm 2023 ông N có làm đơn tố cáo bà H tại Công an thành phố Bến Tre về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/12/2023 của Công an thành phố BT bà Lâm Thu H khai bà thừa nhận có mượn sợi dây chuyền của ông N đem cầm tiệm vàng PH2 với giá 50.000.000 đồng nhưng không đi chuộc lại trả cho ông N. Việc bà H cho rằng sau khi cầm sợi dây chuyền nêu trên về bà H có đưa cho ông N 20.000.000 đồng là hoàn toàn không có; ông N không có nhận số tiền này. Bà H cho rằng số tiền 30.000.000 đồng bà về cho bà Thủy vay lại là việc của bà H; ông N không biết giữa ông N và bà H cũng không có thỏa thuận này.

Tại phiên tòa ông được ông N ủy quyền yêu cầu yêu cầu bà Lâm Thu H phải giao trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 56.725.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền cầm vàng, tiền lãi từ tháng 7/2020 đến tháng 01/2021 là 6.725.000 đồng; Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi số tiền 34.103.070 đồng.

Bị đơn bà Lâm Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Lâm Thu H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan điểm phát biểu của Viện kiểm sát đề nghị tại văn bản ngày 27 tháng 8 năm 2024 đã lưu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Lâm Thu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Lâm Thu H vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lâm Thu H.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thu H phải giao trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 56.725.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền cầm vàng, tiền lãi từ tháng 7/2020 đến tháng 01/2021 là 6.725.000 đồng). Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi số tiền 34.103.070 đồng.

[4] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “*Biên bản ghi lời khai ngày 23/12/2023; Biên bản lấy lời khai bà Lâm Thu H ngày 22/11/2023*”.

Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà H đều vắng mặt; Tuy nhiên hiện nay bà H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 104B/1 khu phố 1, phường 8, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; theo biên bản ghi lời khai ngày 23/12/2023 của Công an thành phố BT thì bà H có đến làm việc và trình bày ý kiến theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; bà H thừa nhận ông N có đưa cho bà mượn 01 sợi dây chuyền vàng 18k, mục đích để bà đi đến tiệm vàng PH2, địa chỉ phường AH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cầm với số tiền 50.000.000 đồng, bà H đưa cho ông N 20.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng bà H đem về đưa cho bà T (không rõ họ tên địa chỉ) vay lại nhưng hiện nay bà T đã bỏ trốn. Do đó có cơ sở xác định giao dịch dân sự giữa ông N và bà H xuất phát từ hợp đồng mượn tài sản (*ông N cho bà H mượn 01 sợi dây chuyền vàng 18k*). Xét thấy hợp đồng mượn tài sản giữa ông N với bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Căn cứ tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như trình bày tại phiên tòa thì ông N biết rõ mục đích cho bà H mượn sợi dây chuyền là để bà H đem đi cầm tại tiệm vàng Phú Hào 2, mặc dù hai bên không thỏa thuận thời hạn giao trả và cách thức giao trả như thế nào. Tuy nhiên căn cứ khoản 3 Điều 496 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định nghĩa vụ của bên mượn tài sản như sau: “*Trả lại tài sản mượn đúng thời hạn; nếu không có thỏa thuận về thời hạn trả lại tài sản thì bên mượn phải trả lại tài sản ngay sau khi mục đích mượn đã đạt được*”. Trong trường hợp này bà H bỏ mặc việc cầm sợi dây chuyền tại tiệm vàng PH2 không thực hiện nghĩa vụ trả lại sợi dây chuyền cho ông N. Hội đồng xét xử xét thấy đây là trách nhiệm của bà H nhưng bà H đã cố ý không thực hiện. Theo biên bản lấy lời khai bà Bùi Thanh N chủ tiệm vàng PH2 xác định ông N là người trực tiếp chuộc lại sợi dây chuyền tại

tiệm vàng với số tiền tiền cầm vàng là 50.000.000 đồng và tiền lãi. Mặc dù ông N đã nhận lại sợi dây chuyền tuy nhiên bị thiệt hại số tiền 56.725.000 đồng do đó cần buộc bà H có trách nhiệm giao trả cho ông N số tiền 56.725.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Ông Nguyễn Văn N tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện bà Lâm Thu H đối số tiền 34.103.070 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 217, 218, 244 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Xét lời trình bày của bà H cho rằng sau khi cầm sợi dây chuyền nêu trên về bà H có đưa cho ông N 20.000.000 đồng việc này không được ông N thừa nhận, đồng thời bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ bà đã giao cho ông N 20.000.000 đồng nên lời trình bày này không được Hội đồng xét xử chấp nhận..

Việc bà H cho rằng số tiền 30.000.000 đồng bà về cho bà T vay lại nhưng bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ họ tên năm sinh địa chỉ bà T, đồng thời bà H không cung cấp chứng cứ chứng minh được việc bà đưa tiền cho bà T 30.000.000 đồng có sự thỏa thuận thống nhất của ông N. Xét thấy việc bà H cho bà T vay lại là giao dịch dân sự giữa bà H với bà T; Bà H có quyền khởi kiện bà Thủy thành vụ kiện khác.

[6] Về phát biểu và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bà Lâm Thu H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 56.725.000 đồng \times 5% = 2.836.250 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Lâm Thu H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số 56.725.000 (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng (trong đó tiền cầm vàng là 50.000.00 đồng, tiền lãi 6.725.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với số tiền đối với số tiền 34.103.070 đồng

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lâm Thu H phải nộp là 2.836.250 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn N được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 2.271.000 đồng theo biên lai thu số 0004354 ngày 02/4/2024

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục T.H.A DS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

